TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-PT
Ngày 11-01-2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Bình

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đê

Bà Huỳnh Ái Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh vụ án dân sự thụ lý số 129/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 151/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Thạch Thị B, sinh năm 1952; Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thạch Thị B*:* Anh Thạch Đa H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh "Văn bản ủy quyền ngày 02/11/2020) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trương Thị P, Luật sư của Công ty L2, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Thạch Sốt T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Minh L, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Thạch R, sinh năm 1944 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thạch R: Ông Thạch Sốt T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh "Văn bản ủy quyền ngày 02/11/2020) (có mặt).

2. Chị Sơn Thị Pha L1, sinh năm 1978 (có mặt)

3. Anh Thạch Ca Đ, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4. Ông Thạch S, sinh năm 1947; Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thạch S: Anh Thạch Đa H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh "Văn bản ủy quyền ngày 02/11/2020) (có mặt).

5. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh; Địa chỉ trụ sở: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện C: Ông Nguyễn Văn N – chức vụ Chủ tịch (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Thạch Thị B là nguyên đơn

Ngoài ra, còn có sự tham gia hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần: Ông Chung Hữu T1 – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thạch Thị B và người đại diện theo ủy quyền ông Thạch Đa H trình bày:

Thửa đất số 534, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.220 m^2, đất tọa lạc tại ấp Ô, xã L, huyện C có nguồn gốc là của ông, bà nội bà B tên Thạch N1 và Thạch Thị H1 (đều đã chết) để lại cho cha bà B là ông Thạch P1 (đã chết). Sau đó ông Thạch P1 cho bà B cùng chồng tên Thạch S quản lý và sử dụng đất từ năm 1973, việc tặng cho đất không làm giấy tờ và không ai biết. Đến năm 1997 do hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình bà B đi Cần Thơ sinh sống và giao thửa đất số 534 cho ông Thạch R sử dụng và trông coi đất dùm bà B nhưng không làm giấy tờ vì ông Thạch R với ông Thạch S có mối quan hệ là anh em cùng mẹ khác cha.

Năm 1996 ông Thạch R làm thủ tục kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 534 bà B không hay biết. Đến năm 2005 thì bà B mới biết ông R được cấp quyền sử dụng đất thửa 534 khi đó bà B có báo chính quyền địa phương (bằng lời nói) nhưng không được giải quyết. Đến năm 2010 ông Thạch R

làm thủ tục tặng cho thửa đất số 534 cho anh Thạch Sốt T (con ông Thạch R) đứng tên quyền sử dụng. Trước đây bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thạch Sốt T phải trả lại phần đất diện tích 925 m^2, thuộc thửa 534, tờ bản đồ số 3, nằm trong tổng diện tích 2.220 m^2, đất tọa lạc ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng số: BA 147166, số vào sổ cấp GCN: CH00009 do UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 08/01/2010 cho ông Thạch Sốt T đứng tên quyền sử dụng đất nhưng qua khảo sát đo đạc thì diện tích đất tranh chấp là 1.066,8 m^2 nên bà B yêu cầu ông Thạch Sốt T phải trả lại phần đất diện tích 1.066,8 m^2 (theo kết quả khảo sát đo đạc) đất thuộc thửa 534, tờ bản đồ số 3, nằm trong tổng diện tích 2.220 m^2, đất tọa lạc ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh, yêu cầu ông Thạch Sốt T di dời nhà trên phần đất đang tranh chấp và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng số: BA 147166, số vào sổ cấp GCN: CH00009 do UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 08/01/2010 cho ông Thạch Sốt T đứng tên quyền sử dụng đất.

Bị đơn ông Thạch Sốt T trình bày: Thửa đất số 534, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.220 m^2, đất tọa lạc tại ấp Ô, xã L có nguồn gốc là đất của ông, bà để lại cho cha ông là Thạch R đến năm 1996 ông R được cấp quyền sử dụng. Đến năm 2010, ông R làm hợp đồng tặng cho thửa đất số 534 cho ông và ông sử dụng thửa đất trên từ đó cho đến nay. Nay bà B yêu cầu ông phải trả lại phần đất diện tích 1.066,8 m^2 (theo kết quả khảo sát đo đạc) đất thuộc thửa 534, tờ bản đồ số 3, nằm trong tổng diện tích 2.220 m^2, đất tọa lạc ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh, yêu cầu ông di dời nhà trên phần đất đang tranh chấp và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 534 thì ông T không đồng ý do nguồn gốc thửa đất trên là của ông bà để lại chứ không phải của bà B và bà Bạch không có sử dụng thửa đất trên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thạch R là ông Thạch Sốt T thống nhất theo lời trình bày trên, không có ý kiến bổ sung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 35, 39, 91, 92, 147, 157, 165, 228, 244, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 95, 100, 166, 167, 168, 169, 170 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 12, 14 và Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị B về việc buộc ông Thạch Sốt T phải trả lại phần đất diện tích 1.066,8 m^2 (theo kết quả khảo sát đo đạc) đất thuộc thửa 534, tờ bản đồ số 3, nằm trong tổng diện tích 2.220 m^2, đất tọa lạc ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh, yêu cầu ông Thạch Sốt T di dời nhà trên phần đất đang tranh chấp và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng số: BA 147166, số vào sổ cấp GCN: CH00009 do UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 08/01/2010 cho ông Thạch Sốt T đứng tên quyền sử dụng đất.

(Phần diện tích đất 1.066,8 m^2 được thể hiện kèm theo trích lục bản đồ địa chính và công văn số 184/CV-CNHCN, ngày 11/6/2021 của Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện C).

Để đảm bảo cho việc thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng, không được thay đổi đất và các tài sản trên đất, dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/8/2022 bà Thạch Thị B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để giao về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vì trên diện tích đất tranh chấp có phát sinh một số tài sản cần phải giải quyết, theo quy định của pháp luật thì phải chuyển vụ án về xã để hòa giải bổ sung đối với phần tài sản này, cấp sơ thẩm không chuyển về xã hòa giải bổ sung là không đúng quy định. Theo tư liệu đất đai năm 1983, ông Thạch S kê khai đăng ký. Sau đó thì giao cho ông R cha của ông Sốt T quản lý canh tác và kê khai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, nguồn gốc đất là của ông S nên cấp sơ thẩm chưa điều tra, xác minh làm rõ nguồn gốc đất tranh chấp mà công nhận cho ông Sốt T là chưa điều tra thu thập chứng cứ đầy đủ. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao toàn bộ hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Việc kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở vì năm 1983 ông Thạch S có đứng tên trong sổ mục kê nhưng việc đứng tên và quản lý đất thì ông R là người quản lý sử dụng, ông S và bà B không có sử dụng đất này ngày nào. Năm 1996 thì ông R kê khai đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất, việc UBND huyện C xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông R là đúng quy định của pháp luật, sau đó ông R tặng cho lại cho ông Thạch Sốt T là đúng quy định của pháp luật. Ông ra đã sử dụng đất ổn định từ năm 1983 đến năm 1996 không gặp sự ngăn cản nào từ phía ông S và bà B và từ khi ông R nhận đất tặng cho đến nay cũng không gặp sự ngăn cản nào từ phía ông S và bà B. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nguồn gốc diện tích đất 1.066,8 m^2 (theo kết quả khảo sát đo đạc) đất thuộc thửa 534, tờ bản đồ số 3, nằm trong tổng diện tích 2.220 m^2, đất tọa lạc ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh có cơ sở là của ông Thạch R vì ông Thạch R đã sử dụng diện tích đất này từ năm 1983, năm 1996 kê khai đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất, năm 2010 tặng cho con là Thạch Sốt T, bà B không có sử dụng đất này trong một thời gian nào, quá trình ông R, ông T đăng ký và cấp quyền sử dụng đất cũng không gặp sự ngăn cản nào của ông S và bà B, việc ông S kê khai trong sổ mục kê, là việc địa phương quản lý việc sử dụng đất về mặt đất đai không phải là căn cứ để xem xét cấp quyền sử dụng đất. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, ý kiến của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hạn kháng cáo: Xét đơn kháng cáo của bà Thạch Thị B là còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bà Thạch Thị B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo tư liệu địa chính thể hiện: tư liệu năm 1983 và tư liệu năm 1995, thửa 534, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.220m^2 thuộc thửa 373, diện tích 2.130m^2, năm 1983 ông Thạch S có kê khai vào sổ mục kê thửa 373. Theo hướng dẫn của Thông tư số 302/TT/ĐKTK, ngày 28/10/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất hướng dẫn thi hành quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyết định số 499/QĐ-ĐC, ngày 27/07/1995 của T4 ban hành quy định mẫu sổ địa chính, sổ mục kê đất, sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sổ theo dõi biến động đất đai và Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC, ngày 30/11/2001 của T4 hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Sổ mục kê đất được lập để phục vụ cho Nhà nước nắm đầy đủ ruộng đất và thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai theo quy định của pháp luật đất đai. Sổ mục kê đất không được coi là một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật đất đai 2003.

[3] Tại Công văn số 1132/UBND- NC ngày 20 tháng 4 năm 2021 của UBND huyện C xác định: Theo tư liệu địa chính năm 1995, thửa số 534, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.220m^2 loại đất ở và đất cây lâu năm tọa lạc tại ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo tư liệu năm 1983 là thửa số 373, diện tích 2.130m^2 loại đất: TM trên sổ mục kê ruộng đất thể hiện tên Thạch S nhưng ông Thạch Sư không kê khai đăng ký vào sổ đăng ký ruộng đất (sổ 5b). Năm 1995 thực hiện công tác đo đạc, kê khai đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện C, thửa số 534, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.220m^2 loại đất ở và đất cây lâu năm tọa lạc tại ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh trên sổ mục kê đất đai thể hiện tên Thạch R.

[4] Ngày 12/01/1996 ông Thạch R cư ngụ ấp Ô, xã L, huyện C đại diện hộ gia đình làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất thửa 534 và được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã có ý kiến "xét cấp"; biên bản ghi chi tiết quá trình xét duyệt của Hội đồng đăng ký ruộng đất xã ghi "xét cấp". Đồng thời hộ ông Thạch R có tên trong sổ địa chính. Còn việc tư liệu năm 1983, sổ mục kê ruộng đất thể hiện tên Thạch S1 nhưng ông Thạch S1 "không" kê khai đăng ký vào sổ đăng ký ruộng đất (sổ 5b) cho nên việc UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử đất cho hộ ông Thạch R là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại thời điểm cấp giấy.

[5] Xét thấy từ năm 1993 đến năm 1996 Nhà nước phát động kê khai đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thời điểm đó vợ chồng bà B vẫn còn sinh sống tại ấp Ô nhưng bà B và ông S không kê khai đăng ký thửa đất 534 vào sổ đăng ký ruộng đất và không làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất thửa 534. Năm 1996 UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 534 cho hộ ông Thạch R thì bà B không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 534 cho ông Thạch R. Đến năm 2010 ông R làm thủ tục tặng cho thửa đất trên cho ông Thạch Sốt T thì bà B cũng không có ý kiến gì. Quá trình giải quyết vụ án, bà B trình bày năm 2005 bà Bạch đã biết ông R đứng tên thửa đất 534, khi đó bà có trình báo với chính quyền địa phương bằng lời nói nhưng không được giải quyết, đến năm 2020 bà mới làm đơn khởi kiện.

[6] Tại phiên hòa giải tại UBND xã L và tại phiên tòa bà B và ông S đều trình bày để tiện cho việc buôn bán nên gia đình ông, bà sang một thửa đất khác ở ấp Ô, như vậy cho thấy ngoài thửa đất 534 thì vợ chồng bà B còn có 01 thửa đất khác ở ấp Ô do ông Thạch S đứng tên quyền sử dụng đất nên việc bà B, ông S cho rằng không am hiểu pháp luật nên bà B không kê khai đăng ký thửa đất 534 là không có cơ sở. Quá trình giải quyết vụ án, bà B có cung cấp đơn tự nguyện làm chứng của bà Thạch Thị T3, Sơn C, Thạch Thị S2 và Thạch Thị R1 những người làm chứng này đều trình bày bà B có sử dụng thửa đất 534 đến năm 1997 thì bà Bạch đi Cần Thơ sinh sống và có biết trước khi bà B đi Cần Thơ sinh sống thì bà Bạch có nhờ gia đình ông R quản lý, trông coi dùm thửa đất 534 đều này chứng minh được trước năm 1997 bà B không có sử dụng thửa đất 534 không chứng minh được việc bà Bạch có quyền sử dụng đất này. Theo quy định của pháp luật đất đai năm 1993, không thừa nhận việc đòi lại đất giao đất cho người khác quản lý trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của nhà nước.

[7] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nại ra rằng việc vi phạm tố tụng của cấp sơ thẩm là trên đất có một căn nhà của ông Thạch Sốt T, nhưng khi giải quyết không chuyển vụ án về hòa giải cơ sở là vi phạm nghiêm trọng về mặt thủ tục tố tụng. Xét thấy đất tranh chấp đã có hòa giải cơ sở và việc hòa giải về nhà, pháp luật không có quy định, nên việc nại ra tại phiên tòa và các ý kiến khác của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày là có căn cứ, phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[9] Từ những căn cứ trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị B là có căn cứ, kháng cáo của bà Thạch Thị B là không có căn cứ chấp nhận.

[10] Xét thấy ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, quy định của pháp luật và nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm, nên bà Thạch Thị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà B là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí và được Tòa án chấp nhận nên bà B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 95, 100, 166, 167, 168, 169, 170 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Thạch Thị Bạch

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị B về việc buộc ông Thạch Sốt T phải trả lại phần đất diện tích 1.066,8 m^2 (theo kết quả khảo sát đo đạc) đất thuộc thửa 534, tờ bản đồ số 3, nằm trong tổng diện tích 2.220 m^2, đất tọa lạc ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh, yêu cầu ông Thạch Sốt T di dời nhà trên phần đất đang tranh chấp và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng số: BA 147166, số vào sổ cấp GCN: CH00009 do UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 08/01/2010 cho ông Thạch Sốt T đứng tên quyền sử dụng đất.

(Phần diện tích đất 1.066,8 m^2 được thể hiện kèm theo trích lục bản đồ địa chính và công văn số 184/CV-CNHCN, ngày 11/6/2021 của Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện C).

Để đảm bảo cho việc thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng, không được thay đổi đất và các tài sản trên đất, dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có liên quan đến kháng cáo có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Thạch Thị B được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trịnh Hữu Bình